

Bản án số: 07/2026/DS- ST
Ngày: 09/02/2026
(V/v tranh chấp kiện đòi tài sản (đòi
nợ)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai và bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 2 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “*Kiện đòi tài sản (Đòi nợ)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/QĐST- DS ngày 30/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trịnh Trọng Đ** – Sinh năm 1950

Nơi cư trú: Khu D, xã C, tỉnh Phú Thọ (*vắng mặt có lý do*)

Bị đơn: Anh **Bùi Văn C** - Sinh năm 1972

Trú tại: Xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ (*vắng mặt không có lý do*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị T** – Sinh năm 1956

Nơi cư trú: Khu D, xã C, tỉnh Phú Thọ (*vắng mặt có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Trịnh Trọng Đ trình bày:

Ngày 17/12/2017 ông và vợ là bà Trần Thị T có cho anh Bùi Văn C trú tại xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ vay số tiền 20.00.000đ, thời hạn vay 20 ngày kể từ ngày vay, hai bên có lập Giấy vay tiền. Hết thời hạn trên anh C cố tình không trả. Đến ngày 15/8/2018 anh C làm giấy khát nợ hẹn đến vụ mía năm 2018 bán được mía sẽ trả. Từ đó đến nay mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng anh C vẫn cố tình không trả. Vì vậy ông làm đơn đề nghị Tòa giải quyết buộc anh C trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc

là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 12/2017 đến nay với mức 7,5%/tháng theo mức lãi xuất cơ bản của Ngân hàng N, ông chốt số tiền lãi là 12.000.000đ. Tổng số tiền ông Đ đề nghị anh C trả là 32.000.000đ. Nguyên đơn không yêu cầu tính thêm lãi phát sinh.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn C không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày:

Anh thừa nhận anh có vay của ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T số tiền 20.000.000đ vào ngày 17/12/2017, giữa hai bên có lập Giấy vay tiền, thời hạn vay là 20 ngày kể từ ngày vay. Trong nội dung Giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất vay nhưng thực tế từ năm 2017 đến nay anh đã trả nhiều lần cho ông Đ, bà T với tổng số tiền khoảng 70.000.000đ cả gốc và lãi. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu anh trả nợ anh không đồng ý, tuy nhiên khi trả nợ chủ yếu là ông Đ đến tận nhà để thu tiền nhưng không có giấy tờ, sổ sách, gặp anh lúc nào thì anh trả cho ông Đ lúc đó chính vì vậy anh không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa những lần anh đã trả nợ cho anh Đ

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị T đồng ý với lời khai và yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị T trình bày:

Anh Bùi Văn C có vay vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 20.000.000đ vào ngày 17/12/2017 tuy nhiên từ đó đến nay mặc dù vợ chồng bà đã đòi nợ rất nhiều lần nhưng anh C cố tình không trả, bà đề nghị Tòa giải quyết buộc anh C trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và lãi xuất tính theo mức lãi xuất cơ bản của Ngân hàng N là 7,5%/năm tính từ tháng 12/2017 đến nay, ông bà tính toán số tiền lãi là 12.000.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 32.000.000đ, bà và ông Đ không yêu cầu anh C phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh nào nữa. Số tiền 12.000.000đ là số tiền ông bà đã tính toán, cân nhắc và sẽ không yêu cầu anh C phải trả thêm lãi nữa.

Ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ về quá trình giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc vay nợ của anh Bùi Văn C với ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T là có thật, khi vay nợ hai bên có lập Giấy vay tiền có chữ ký của anh Bùi Văn C và Giấy khất nợ của anh Bùi Văn C. Bị đơn anh Bùi Văn C đã xác nhận có sự việc trên. Tuy nhiên, anh C không đồng ý trả nợ cho ông Đ lý do vì anh đã trả nhiều lần cho ông với tổng số tiền đã trả từ năm 2017 đến nay khoảng 70.000.000đ **nhưng anh C lại** không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ cho ông Đ (*nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS*). Như vậy, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu anh C trả nợ số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi từ năm 2017 đến nay ông chốt lãi là 12.000.000đ, tổng cộng là 32.000.000 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận và đề nghị căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều **116, 117, 357 401, 463, 465, 466, 468, 470** của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 32.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000đ, tiền lãi phát sinh là 12.000.000đ, bị đơn không phải trả tiền lãi phát sinh nào khác.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn vụ án có quan hệ Tranh chấp kiện đòi tài sản (Đòi nợ), quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm N, xã M nên căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ thụ lý đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn C có bản tự khai, biên bản lấy lời khai trình bày ý kiến. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng, anh C đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trịnh Trọng Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T vắng mặt đã có đơn xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có

lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 17/12/2017, anh Bùi Văn C vay của ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T số tiền 20.000.000 đồng, việc vay tiền được lập thành văn bản, có chữ ký của anh C.

Ngày 15/8/2018, anh C tiếp tục lập giấy khất nợ, xác nhận nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận việc vay tiền nhưng cho rằng đã trả nhiều lần. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán khoản vay.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được yêu cầu phản đối của mình.

Do đó, có căn cứ xác định anh Bùi Văn C còn nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Trọng Đ về việc buộc bị đơn anh Bùi Văn C trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi xuất phát sinh mà anh C đã nợ của vợ chồng ông Đ, bà T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 17/12/2017 vợ chồng ông có cho anh Bùi Văn C vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 20 ngày kể từ ngày vay, hai bên có lập Giấy vay tiền. Hết thời hạn trên anh C cố tình không trả. Đến ngày 15/8/2018 anh C làm giấy khất nợ hẹn đến vụ mía năm 2018 bán được mía sẽ trả. Từ đó đến nay mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng anh C vẫn cố tình không trả.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Trịnh Trọng Đ giao nộp cho Tòa án là bản gốc Giấy vay tiền lập ngày 17/12/2017 và Giấy khất nợ lập ngày 15/8/2018, anh C đã thừa nhận thực tế có vay ông Đ, bà T số tiền 20.000.000đ như trong Giấy vay tiền đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C không đồng ý trả nợ cho ông Đ, bà T lý do vì anh đã trả nhiều lần cho ông Đ với tổng số tiền đã trả từ năm 2017 đến nay khoảng 70.000.000đ, tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ cho ông Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được yêu cầu phản đối của mình.

Do đó, có căn cứ xác định anh Bùi Văn C còn nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng các Giấy vay tiền và Giấy khát nợ có chữ ký của anh C và anh đã thừa nhận là đúng. Từ những cơ sở trên, có căn cứ buộc anh Bùi Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Giấy vay tiền giữa các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Theo quy định tại điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trong trường hợp các bên không thỏa thuận lãi suất, lãi suất được áp dụng theo thỏa thuận của đương sự phù hợp với pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 12.000.000đồng, tương ứng với mức lãi suất khoảng 7,5%/năm tính từ tháng 12/2017 đến thời điểm xét xử, và đã chốt số tiền lãi này, không yêu cầu Tòa án tính thêm bất kỳ khoản lãi phát sinh nào khác. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án tính lãi là 12.000.000 đồng, đồng thời không yêu cầu anh C phải chịu thêm khoản phần lãi phát sinh nào khác, kể cả phần lãi chậm trả sau khi xét xử. Xét thấy mức lãi suất này không vượt quá mức lãi suất tối đa cho phép theo quy định pháp luật và phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Căn cứ 463, Điều 465, Điều 466, điều 468, điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C phải trả cho ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 12.000.000đ nợ lãi.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Anh Bùi Văn C phải chịu án phí của số tiền 32.000.000 đồng ($32.000.000đ \times 5\% = 1.600.000đ$) theo quy định pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ các điều 357, điều 401, 463, Điều 465, Điều 466, điều 468, điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Trọng Đ:

Buộc anh Bùi Văn C trả cho ông Trịnh Trọng Đ và bà Trần Thị T tổng số tiền là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*). Trong đó nợ gốc: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), nợ lãi 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*)

Anh Bùi Văn C không phải trả bất cứ khoản lãi phát sinh nào khác.

2. Về án phí: Ông Trịnh Trọng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn C chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Trọng Đ, anh Bùi Văn C, bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà